

Số: 330 /BC-SNNPTNT

Ninh Thuận, ngày 12 tháng 6 năm 2020

BÁO CÁO

Tình hình và kết quả thực hiện 6 tháng đầu năm 2020 và giải pháp thực hiện 6 tháng cuối năm 2020 của Ngành nông nghiệp

Phần thứ nhất

I. Tình hình, kết quả thực hiện 6 tháng đầu năm 2020.

Triển khai thực hiện Quyết định số 485/QĐ-UBND ngày 25/12/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2020; ngay từ đầu năm 2020, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã tổ chức các Hội nghị tổng kết đánh giá kết quả thực hiện của ngành trên các lĩnh vực của năm 2019, triển khai nhiệm vụ thực hiện năm 2020. Bên cạnh triển khai các Nghị quyết của Tỉnh Ủy, HĐND tỉnh về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2020; đồng thời, để cụ thể hóa chỉ đạo của UBND tỉnh tại Quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 08/01/2020 về việc Ban hành Kế hoạch triển khai những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2020; các văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã ban hành Quyết định số 09/QĐ-SNNPTNT ngày 20/01/2020 về việc ban hành Chương trình hành động thực hiện nhiệm vụ kế hoạch trọng tâm năm 2020 của ngành Nông nghiệp.

Kết quả thực hiện chỉ tiêu kế hoạch 6 tháng đầu năm 2020, cụ thể đạt được như sau:

* **Chỉ tiêu tổng hợp:** Tốc độ tăng giá trị sản xuất toàn ngành đạt 5.142,957 tỷ đồng (*theo giá so sánh 2010*), đạt 98,1% so cùng kỳ.

Trong đó:

- Lĩnh vực nông nghiệp: 2.142,390 tỷ đồng, đạt 90,7% so cùng kỳ;
- Lĩnh vực lâm nghiệp: 35,455 tỷ đồng, đạt 98,2% so cùng kỳ;
- Lĩnh vực thủy sản: 2.965,112 tỷ đồng, tăng 4,2% so cùng kỳ.
- Tỷ lệ hộ dân nông thôn được cấp nước sinh hoạt: 94,5% (KH 95%).

* **Chỉ tiêu cụ thể:**

- Tổng diện tích gieo trồng từ đầu năm đến nay 34.565,8 ha đạt 92,2% KH.

- Sản lượng sản phẩm chủ yếu: Lương thực (*chỉ tính vụ Đông Xuân*) 94.428,9 tấn, tăng 11,93% KH; Nho 16.019,8 tấn, giảm 0,6% so cùng kỳ; Táo 17.927,3 tấn, tăng 3,3% so cùng kỳ.

- Đàn gia súc 507.305 con, tăng 6,1% KH, trong đó đàn gia súc có sừng 404.145 con, tăng 4,2% KH.

- Giao khoán bảo vệ rừng 65.987,3 ha, tăng 8,4%KH; Khoang nuôi tái sinh rừng 3.027 ha, đạt 100%KH.

- Sản lượng khai thác hải sản 54.627,5 tấn, tăng 2,0% so cùng kỳ, đạt 48,1%KH; sản lượng nuôi thủy sản 4.113,7 tấn, đạt 43,7%KH, trong đó sản lượng tôm thịt 2.250 tấn, đạt 38,4%KH; giống thủy sản 21,167,8 tỷ con, tăng 8,7% so cùng kỳ, đạt 58,5%KH, trong đó tôm giống 21,012,8 tỷ con, tăng 8,8% so cùng kỳ, đạt 58,54%KH.

1. Sản xuất nông nghiệp

a) Trồng trọt:

Cây hàng năm:

- Vụ Đông Xuân: Tổng diện tích gieo trồng **25.288,9 ha**, tăng 2,0% KH, đạt 84,1% so cùng kỳ. Trong đó: Cây lúa 11.974,2 ha, vượt 7,7% KH, giảm 29,8% so với cùng kỳ, năng suất ước đạt 66,7 tạ/ha, sản lượng ước đạt 79.828,0 tấn, tăng 10,4%KH, giảm 28,2% so cùng kỳ; Cây bắp 2.371,4 ha, tăng 7,8% KH và giảm 11,7% so với cùng kỳ; năng suất ước đạt 61,6 tạ/ha; sản lượng ước đạt 14.600,9 tấn, tăng 20,9% KH, giảm 7,4% so với cùng kỳ; Cây rau các loại 3.024,5 ha, vượt 11,4% KH; sản lượng ước đạt 54.299,3 tấn, tăng 24,8% KH. Đậu các loại 803,7 ha, tăng 1,8% so với cùng kỳ; sản lượng ước đạt 680,9 tấn, tăng 5,9% KH; Cây mỳ diện tích trồng mới vụ Đông Xuân 2019-2020 là 274,0 ha, giảm 27,6% so cùng kỳ, giai đoạn phát triển thân lá, diện tích thu hoạch 5.193,9 ha, năng suất đạt 194,7 tạ/ha, sản lượng ước đạt 101.112,8 tấn, tăng 13,7% so cùng kỳ; Cây mía: Diện tích trồng mới vụ Đông Xuân 2019-2020 là 54,7 ha, tăng 31,8% so với cùng kỳ.

- Vụ Hè Thu: Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh tại Kế hoạch số 1442/KH-UBND ngày 20/4/2020 về sản xuất nông nghiệp vụ Hè Thu năm 2020 trên địa bàn tỉnh. Theo đó, kế hoạch sản xuất vụ Hè Thu triển khai dùng sản xuất lúa tại khu tưới của 21 hồ chứa trên địa bàn tỉnh; bố trí sản xuất các khu tưới của hệ thống Sông Pha, Lâm Cẩm, vùng đầu kênh Nam, kênh Chàm, kênh Bắc của đập Nha Trinh và một số vùng thuộc khu tưới hồ, đập nhỏ do huyện quản lý, với tổng diện tích sản xuất là 17.140,4 ha (gồm: Lúa 2.444,2 ha; màu 14.696,2 ha). Tính đến ngày 10/6, diện tích gieo trồng được **9.276,7 ha** (trong đó: Lúa 2.614 ha; màu 6.662,7 ha), đạt 54,1% KH vụ.

Cây lâu năm: Tổng diện tích 12.212,1 ha, trong đó: Cây ăn quả 6.556,2 ha (Nho 1.261,1 ha, sản lượng 16.019,8 tấn, giảm 0,6% so cùng kỳ); Táo 1.012,1 ha, sản lượng 17.927,3 tấn, tăng 3,3% so cùng kỳ,...); Điều 4.397 ha, sản lượng 1.058,9 tấn, giảm 0,9% so cùng kỳ; các loại cây lâu năm khác 1.258,9 ha.

* Công tác chuyển đổi cơ cấu cây trồng:

Vụ Đông Xuân 2019 - 2020: Thực hiện Quyết định 1951/QĐ-UBND ngày 06/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về việc giao chỉ tiêu kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng vụ Đông Xuân 2019-2020, gắn với liên kết doanh nghiệp để tiêu thụ sản phẩm cho nhân dân cho các huyện trên địa bàn tỉnh với diện tích 591,2 ha. Kết quả chuyển đổi được 955,7ha/591,2 ha KH, vượt 61,65%

KH¹. Trong đó: Cây ngắn ngày 896,4 ha, cây dài ngày 59,3 ha; chuyển đổi từ đất lúa 761,6 ha, đất khác 194,1 ha.

Vụ Hè Thu: Triển khai thực hiện Quyết định số 605/QĐ-UBND ngày 28/4/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao chỉ tiêu kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng vụ Hè Thu 2020, gắn với liên kết doanh nghiệp để tiêu thụ sản phẩm với diện tích 320 ha. Hiện nay, các địa phương đã thực hiện được 182,6ha/320 ha KH. Trong đó, diện tích chuyển đổi trên đất lúa 133,6 ha, đất màu khác 49 ha².

*** Kết quả thực hiện mô hình sản xuất cánh đồng lớn:**

Thực hiện Quyết định số 1957/QĐ-UBND ngày 06/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao chỉ tiêu kế hoạch triển khai mô hình sản xuất cánh đồng lớn năm 2020 trên địa bàn tỉnh là 3.964,75 ha/32 cánh đồng lớn.

Trong 6 tháng đầu năm, toàn tỉnh đã triển khai được 22 cánh đồng lớn, diện tích 2.619,75 ha, đạt 66,1% KH (Trong đó, triển khai mới 03 cánh đồng lúa với diện tích 250 ha³; tiếp tục duy trì 19 cánh đồng với diện tích 2.369,75 ha⁴).

b) Chăn nuôi:

Tổng đàn gia súc trên địa bàn 507.305 con, tăng 6,1% KH, bao gồm: Đàn gia súc có sừng 404.145 con⁵, đàn heo 103.160 con; tổng đàn gia cầm 1,830,8 triệu con, tăng 4,7% so cùng kỳ. Tổng sản lượng thịt gia súc 13.118,4 tấn, tăng 4,2% so cùng kỳ; sản lượng thịt gia cầm 2.677,4 tấn, tăng 4,9% so cùng kỳ. Sản lượng trứng gia cầm 34.401,4 nghìn cái, tăng 2,4% so cùng.

Tiếp tục các chuỗi liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi (Chuỗi giá trị liên kết giá trị chăn nuôi dê, cừu thịt; Chuỗi giá trị chăn nuôi heo liên kết với Công ty cổ phần Chăn nuôi CP Việt Nam và Công ty CJ; Chuỗi giá trị Heo đen, gà bản địa; Chuỗi giá trị liên kết chăn nuôi gia cầm; Chuỗi giá trị chăn nuôi bò); Hỗ trợ kết nối cá nhân và doanh nghiệp ký hợp đồng tiêu thụ cho

¹ Ninh Sơn 516,7 ha/175 ha (Cây ngắn ngày 509,2 ha, cây dài ngày 7,5 ha), Ninh Phước 77,5 ha/70,2 ha (Cây ngắn ngày 59,6 ha, cây dài ngày 17,9 ha), Ninh Hải 22,4 ha/15 ha (Cây ngắn ngày 13 ha, cây dài ngày 9,4 ha), Bắc Ái 113 ha/100 ha (Cây ngắn ngày 105 ha, cây dài ngày 8 ha), Thuận Bắc 51,5 ha/50 ha (Cây ngắn ngày 35 ha, cây dài ngày 16,5 ha), Thuận Nam 174,6 ha/181 ha (chủ yếu cây ngắn ngày).

² Diện tích chuyển đổi trên đất lúa 133,6 ha (cây ngắn ngày 127,9 ha, cây dài ngày 5,7 ha), trên đất khác 49 ha (cây ngắn ngày 27 ha, cây dài ngày 22 ha).

³ Triển khai mới 03 cánh đồng lớn: Cánh đồng lúa HTX DV nông nghiệp Bàu Trúc, thị trấn Phước Dân 100 ha/100 ha KH; cánh đồng lúa tại HTX DV nông nghiệp Bình Quý, thị trấn Phước Dân 100 ha/100 ha KH; cánh đồng lúa tại HTX DV nông nghiệp Tân Lập 1, xã Lương Sơn: 50 ha/50ha KH.

⁴ Tiếp tục duy trì 19 cánh đồng lớn: Cánh đồng bắp giống tại Phước Vinh 80ha/80ha KH; cánh đồng măng tây tại xã An Hải 25ha/35ha KH; cánh đồng măng tây tại xã Phước Hải 10ha/20ha KH; cánh đồng nho tại xã Vĩnh Hải 29,92ha/29,92ha KH; cánh đồng lúa tại HTX DV nông nghiệp Như Bình, Phước Thái 102ha/102ha KH, cánh đồng lúa tại HTX KDDV nông nghiệp Hoài Trung, Phước Thái 120ha/120ha KH, cánh đồng lúa tại HTX KDDV nông nghiệp Phước Hậu 150ha/150ha KH, cánh đồng lúa tại HTX DV nông nghiệp Trường Thọ, Phước Hậu 413ha/593ha KH, cánh đồng lúa tại HTX DV nông nghiệp Vạn Phước, Phước Thuận 207ha/207ha KH, cánh đồng lúa tại HTX DV nông nghiệp Phước Khánh, Phước Thuận 117ha/117ha KH, cánh đồng lúa tại HTX DV nông nghiệp Phú Quý, thị trấn Phước Dân 100ha/150ha KH, cánh đồng lúa tại Mông Nhuận, Phước Hữu 200ha/400ha KH, cánh đồng lúa tại thôn Ninh Quý, xã Phước Sơn 124,5ha/124,5ha KH, cánh đồng lúa tại HTX DV nông nghiệp An Xuân, Xuân Hải 158,8ha/158,8ha KH, cánh đồng lúa tại thôn Gò Đền, xã Tân Hải 108ha/157,84ha KH, cánh đồng lúa tại thôn tại thôn An Nhơn và An Xuân, xã Xuân Hải 151,53ha/151,53 ha KH; cánh đồng lúa tại thôn Tân Lập 1, xã Lương Sơn 100ha/100ha KH, cánh đồng lúa giống tại thôn Hiệp Kiệt, xã Công Hải 70ha/70ha KH, cánh đồng lúa giống tại xã Bắc Phong 103ha/103ha KH.

⁵ Trong đó: Trâu 3.931 con, Bò 120.798 con, Dê 138.578 con, Cừu 140.838 con.

nông dân; tiếp tục đẩy mạnh phát triển chuỗi giá trị dê, cừu và tiếp tục lựa chọn một số chuỗi có giá trị kinh tế cao để phát triển; Tiếp tục duy trì và phát triển đàn gia súc, gia cầm, nhất là chăn nuôi đại gia súc gắn với phát triển đồng cỏ; tiếp tục nghiên cứu xây dựng thí điểm và nhân rộng các mô hình sản xuất có hiệu quả gắn với Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; Hỗ trợ các địa phương và doanh nghiệp tiếp tục đầu tư và vận hành có hiệu quả các lò giết mổ gia súc, gia cầm tập trung; Quản lý chặt chẽ cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm nhỏ lẻ nhằm nâng cao nhận thức của cá nhân và doanh nghiệp trong việc tuân thủ quy định về điều kiện an toàn vệ sinh thực phẩm; Triển khai thực hiện đề án quy hoạch cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung theo lộ trình đã được phê duyệt; Thường xuyên cập nhật, công bố danh sách các cơ sở được chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm trong lĩnh vực chăn nuôi và thú y trên các phương tiện thông tin để người dân biết và sử dụng.

c) Tình hình nguồn nước tại các hồ chứa: Tính đến ngày 10/6/2020, mực nước tại 21 hồ chứa trên địa bàn tỉnh hiện ở mức 23,07/194,49 triệu m³ chiếm 11,86% tổng dung tích thiết kế. Hồ Đơn Dương dung tích 41,45/165 triệu m³ đạt 25,12% so với dung tích thiết kế. Lưu lượng nước vào 16,62 m³/s và đang xả nước qua thủy điện Đa Nhim với lưu lượng 19,43 m³/s. Hiện 20 hồ chứa xấp xỉ mực nước chết và dưới mực nước chết, gây ảnh hưởng đến sinh trưởng, phát triển và năng suất cây trồng.

Tác động của hạn hán đối với sản xuất nông nghiệp: Tổng diện tích cây trồng bị thiệt hại từ vụ Đông Xuân 2019-2020 tính đến ngày 10/6/2020 trên địa bàn tỉnh: 198,23 ha (*cây lúa: 89,5 ha; cây màu: 43,65 ha; cây ăn quả: 60,58ha; cây lâm nghiệp 4,5 ha. Trong đó: Diện tích lúa bị thiệt hại trên 70% là 25,7 ha, từ 30% - 70% là 63,8ha, diện tích màu bị thiệt hại trên 70% là 0,65 ha, từ 30% - 70% là 43 ha và diện tích cây ăn quả bị thiệt hại trên 70% là 44,78 ha, từ 30% - 70% là 15,8 ha*). Số vật nuôi bị chết do hạn hán là 07 con cừu tại xã Phước Diêm huyện Thuận Nam.

Các giải pháp chống hạn đang triển khai: Tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 67-CT/TU ngày 07/02/2020 của Tỉnh Ủy, Kế hoạch số 52/KH-UBND ngày 09/01/2020 của UBND tỉnh và Kế hoạch sản xuất vụ Hè Thu 2020 (Kế hoạch số 1442/KH-UBND ngày 20/4/2020 và Quyết định số 605/QĐ-UBND ngày 28/4/2020), Ngành đã chủ động phối hợp với các Sở, ngành và địa phương triển khai thực hiện giải pháp phòng chống hạn: Tiếp tục triển khai các mô hình sản xuất phù hợp với điều kiện hạn hán (*như: Mô hình tưới tiết kiệm, mô hình xem canh, luân canh có hiệu quả, quy trình quản lý dịch hại tổng hợp IPM, quản lý nước trong ruộng lúa theo từng giai đoạn sinh trưởng và chủ động tưới theo quy trình ướt – khô kẽ nhằm tiết giảm sử dụng nước trong sản xuất lúa*); Thực hiện phương án bảo vệ đàn gia súc, di chuyển đàn gia súc đến các khu vực thuận lợi về thức ăn, nước uống, thực hiện giám sát, hướng dẫn phòng trừ, kiểm soát tốt dịch bệnh cho đàn gia súc, gia cầm; Thực hiện phương án phòng chống cháy rừng, cảnh báo nguy cơ cháy rừng trong thời kỳ khô hạn; Chuẩn bị đầy đủ vật tư, hóa chất, nhân lực nhằm khắc phục ngay sự cố nếu xảy ra, giảm thiểu mất nước; Đồng thời, phối hợp với địa phương nạo vét, khơi thông dòng chảy các

suối còn nước; rà soát, vận hành tốt các công trình cấp nước tập trung, dự phòng thêm một số máy bơm để tăng công suất ở các trạm, các hồ dưới mực nước chết.

d) Công tác phòng chống dịch bệnh trên cây trồng và vật nuôi:

- Công tác phòng chống dịch bệnh trên cây trồng: Trong 06 tháng đầu năm 2020, Ngành đã phối hợp chặt chẽ với mạng lưới CTV Bảo vệ thực vật cơ sở, chính quyền địa phương thường xuyên theo dõi, điều tra và kết hợp với công tác dự tính, dự báo nhằm nắm chắc tình hình sinh vật gây hại trên địa bàn tỉnh; thông báo, cảnh báo kịp thời cho nông dân về biện pháp phòng trừ khi còn phạm vi nhỏ.

- Công tác phòng chống dịch bệnh trên vật nuôi: Không để xảy ra các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm như: Dịch tả lợn Châu Phi, Lở mồm long móng, Cúm gia cầm, Tai xanh heo, bệnh Đại trên động vật được kiểm soát chặt chẽ, chỉ xảy ra rải rác bệnh truyền thông thường như bệnh Tụ huyết trùng trên trâu bò, Phó thương hàn heo tại 04 hộ của huyện Ninh Hải và Ninh Sơn, bệnh được phát hiện sớm và điều trị kịp thời không lây lan.

2. Sản xuất thủy sản.

a) Khai thác:

Tình hình ngư trường trong 6 tháng đầu năm cá nổi xuất hiện sản lượng khá cao tập trung vào những tháng đầu vụ cá Nam. Tổng sản lượng khai thác đạt 54.627,5 tấn⁶, tăng 2,0% so cùng kỳ. Năng lực tàu cá hiện tại là 2.471 chiếc từ 6m trở lên⁷. Tổ chức kiểm tra an toàn kỹ thuật tàu cá cho 517 chiếc; chấp thuận, xét duyệt đơn xin cho 56 trường hợp cải hoản và 03 trường hợp mua mới; thẩm định 466 chiếc đạt điều kiện an toàn thực phẩm tàu cá.

Tổ chức tuyên truyền rộng rãi trong cộng đồng dân cư về Luật Thủy sản 2017; Chỉ thị 45/CT-TTg ngày 13/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ; Thông tư 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018; Kiến thức về An toàn thực phẩm theo Kế hoạch số 103/KH- CCTS ngày 27/02/2019 của Chi cục Thủy sản; Triển khai tuyên truyền Kế hoạch mùa vụ nuôi trồng Thủy sản năm 2020. Bên cạnh đó, thực hiện công tác tuyên truyền cho 07 lớp/ 440 lượt người tham gia; tổ chức cho ngư dân ký cam kết 477 trường hợp về việc chấp hành các quy định chống khai thác bất hợp pháp.

b) Nuôi trồng thủy sản: Tôm thương phẩm nuôi 290,8 ha, giảm 12,7% so cùng kỳ (*nguyên nhân là do giá bán tôm thương phẩm thấp*), sản lượng ước được 2.250 tấn, giảm 2,2% so cùng kỳ; sản lượng cá nuôi ước được 331,8 tấn⁸; Thủy sản khác ước 1.507,9 tấn, giảm 22,8% so cùng kỳ; rong sụn trồng 16 ha, giảm 33,3% so cùng kỳ (*do thời tiết nắng nóng kết hợp nạo vét luồng lạch tại cảng Ninh Chữ, người nuôi cho thu hoạch sớm*), sản lượng thu hoạch ước được 350 tấn.

c) Sản xuất giống thủy sản.

⁶ Trong đó sản lượng khai thác biển đạt 54.600,1 tấn, tăng 2,0% so cùng kỳ về sản lượng, nhưng tăng đến 4,17% về giá trị do chủ yếu là hải sản có giá trị cao được khai thác ở vùng khơi.

⁷ Trong đó: tàu từ 06m ÷ < 12m: 1169 tàu; tàu từ 12m ÷ < 15m: 595 tàu; tàu từ 15m ÷ < 20m: 642 tàu; tàu từ 20m ÷ < 24m: 45 tàu; tàu từ 24m ÷ < 30m: 20 tàu.

⁸ Trong đó: Nuôi mặn lợ 128 tấn, tăng 48,1% so cùng kỳ, nuôi nước ngọt 203,8 tấn, giảm 1,1% so cùng kỳ.

Tôm giống: Sản lượng sản xuất được 21.012,8 triệu con Postlarvae, tăng 8,8% so cùng kỳ. Trong đó: tôm sú 4.600 triệu con, tăng 11,7% so cùng kỳ; tôm thẻ 16.412,8 triệu con, tăng 8,0% so cùng kỳ; **Giống thủy sản khác:** Sản lượng sản xuất giống các loại thủy sản 155,0 triệu con, giảm 3,1% so cùng kỳ.

d) Công tác phòng chống dịch bệnh trên động vật thủy sản

Phối hợp với chính quyền địa phương các cấp giám sát chặt chẽ hoạt động sản xuất nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh; triển khai Kế hoạch sản xuất, lịch thời vụ nuôi trồng thủy sản năm 2020 trên địa bàn toàn tỉnh; Tập trung công tác quản lý chất lượng giống thủy sản theo Thông tư 26/2018/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn⁹; chú trọng công tác quan trắc môi trường và cảnh báo dịch bệnh tại các vùng nuôi tập trung của tỉnh, kịp thời đưa ra các cảnh báo, khuyến cáo về tình hình dịch bệnh cũng như ô nhiễm môi trường phục vụ hoạt động sản xuất nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh. Trong 6 tháng đầu năm đã triển khai quan trắc môi trường và kiểm dịch động vật thủy sản¹⁰ theo quy định.

đ) Triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển thủy sản theo Nghị định số 67/2016/NĐ-CP, Quyết định 48/2010/QĐ-TTg:

Triển khai thực hiện Quyết định số 48/2010/QĐ-TTg: Trong 6 tháng đầu năm 2020, UBND tỉnh đã ra quyết định phê duyệt cho 65 tàu cá đủ điều kiện khai thác thủy sản, dịch vụ khai thác thủy sản trên các vùng biển xa (*64 tàu khai thác thủy sản, 01 tàu dịch vụ thủy sản*). Nâng tổng số tàu cá của tỉnh đủ điều kiện tham gia khai thác thủy sản, dịch vụ khai thác thủy sản trên các vùng biển xa lên 697 tàu (*652 tàu khai thác thủy sản, 45 tàu dịch vụ thủy sản*). Tổ chức họp thẩm định, trình UBND tỉnh xem xét phê duyệt đợt 01 và 02 năm 2020 (*với số tiền đề nghị hỗ trợ 22.965.000.000 đồng/276 hồ sơ*).

Triển khai thực hiện Nghị định số 67/2014/NĐ-CP và Nghị định số 17/2018/NĐ-CP: UBND tỉnh đã ra Quyết định hỗ trợ một lần sau đầu tư đóng mới tàu cá cho 01 dự án với số tiền hỗ trợ là 6,482 tỷ đồng. Tham mưu, trình UBND tỉnh chi trả chi phí bảo hiểm khai thác hải sản theo đề nghị của công ty Bảo Việt Ninh Thuận đợt 01/2019: 2.986.704.750 đồng.

3. Lâm nghiệp.

- Chống cháy rừng: Trong 5 tháng đầu năm, do hạn hán kéo dài, cấp dự báo cháy rừng đến cấp V đã xảy ra 88 điểm cháy (*cụ thể: Thuận Nam 01 điểm, Thuận Bắc 02 điểm, Bác Ái 13 điểm và Ninh Sơn 72 điểm*), các điểm cháy rừng đều được phát hiện kịp thời, huy động lực lượng cứu chữa lên đến 1.222 lượt người, nên không gây thiệt hại đến cây rừng, chỉ cháy cỏ khô, lá khô dưới tán rừng. Kể từ ngày 5/6/2020, nhờ có mưa nên đã giảm cấp dự báo cháy rừng trên địa bàn tỉnh xuống Cấp IV.

- Chống phá rừng: Trong 6 tháng đầu năm 2020, tổ chức 95 đợt tuyên truyền với 4.174 lượt người tham gia, 02 đợt tuyên truyền lưu động trên phạm vi

⁹ Giám sát chuyển đổi mục đích sử dụng tôm bố mẹ hết thời gian sử dụng sinh sản 68 lượt/18.105 con; Cấp giấy chứng nhận cơ sở sản xuất ương dưỡng giống thủy sản theo quy định cho 97 cơ sở sản xuất tôm giống.

¹⁰ Quan trắc 05 đợt (*66 mẫu giáp xác và 100 mẫu nước*), kiểm dịch 18,4 tỷ con.

toàn tỉnh, vận động 742 hộ ký cam kết không vi phạm quy định quản lý bảo vệ rừng. Đồng thời, lực lượng Kiểm lâm phối hợp với lực lượng công an, quân đội, dân quân tự vệ, bảo vệ rừng của chủ rừng và chính quyền địa phương tổ chức 979 đợt kiểm tra, truy quét tại các vùng giáp ranh, khu vực trọng điểm phá rừng và các trục lộ giao thông trên địa bàn tỉnh, với 6.442 lượt người tham gia, phát hiện, ngăn chặn và xử lý nhiều vụ vi phạm về lĩnh vực quản lý bảo vệ rừng. Tổng số vụ vi phạm là 116 vụ, giảm 35,91% so với cùng kỳ (*trong đó phá rừng 14 vụ, lấn chiếm đất rừng 8 vụ, khai thác rừng 3 vụ, vận chuyển buôn bán lâm sản 53 vụ và vi phạm khác 38 vụ*). Tổng số vụ vi phạm đã xử lý là 59 vụ, giảm 59,03% so với cùng kỳ. Tịch thu: 63,82 m³ gỗ tròn; 8,28 m³ gỗ xẻ; 370 kg than; 8.144 kg gốc cây; 25 xe máy và 13 cửa máy. Thu nộp ngân sách 571.280.000 đồng, giảm 7,42% so với cùng kỳ (*571.280.000 đồng/617.039.000 đồng*) và đã xảy ra 01 vụ án hình sự về tội vi phạm các quy định về khai thác, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản, xảy ra tại khoảnh 1,2 và khoảnh 4 tiểu khu 118, xã Ma Nới, huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận, rừng do Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Lâm nghiệp Ninh Sơn quản lý.

- Phát triển rừng: Thực hiện giao khoán BVR đối với 65.987,28 ha¹¹; Thực hiện khoảnh nuôi xúc tiến tái sinh 3.027 ha (*khoảnh nuôi tái sinh tự nhiên: 517 ha, khoảnh nuôi có trồng bổ sung: 2.510 ha*); Đến thời điểm hiện tại tổng số vật nuôi hiện còn 1.376 con bò, 191 con dê, 17 con cừu¹²; Các hộ dân chủ động tích góp tiền mua giống cây ăn quả có giá trị để phát triển trồng trọt, lập vườn cây ăn quả với số lượng 6.838 cây/22 hộ (*năm 2017 là 852 cây/14 hộ, năm 2018 là 2.481 cây/41 hộ; năm 2019 là 3.505 cây/22 hộ*); Đầu tư phân bón và hệ thống ống dẫn nước cho 27 hộ gia đình (*năm 2017 là 8 hộ, năm 2018 là 11 hộ, năm 2019 là 07 hộ*) tại Ban quản lý rừng phòng hộ Krông Pha; Đầu tư lắp đặt 01 hệ thống nước tự chảy tại Ban quản lý rừng phòng hộ đầu nguồn hồ Tân Giang. Hiện nay các đơn vị chủ rừng đã chuẩn bị đầy đủ số lượng cây giống và hiện trường cho kế hoạch phát triển rừng năm 2020 (*sẽ thực hiện khi gặp thời tiết thuận lợi*); đã thẩm định trình cấp thẩm quyền xem xét, phê duyệt đối với diện tích 465,09 ha/ 505 ha KH; ngoài ra, Ngành đang tập trung rà soát diện tích dự kiến thực hiện trồng rừng thay thế để tham mưu UBND tỉnh phân bổ kế hoạch, tổ chức triển khai thực hiện khi gặp thời tiết thuận lợi.

4. Diêm nghiệp.

Diện tích muối đưa vào sản xuất trong 6 tháng đầu năm 2020 là 3.078 ha (*muối Diêm dân 631 ha, muối công nghiệp 2.447 ha*), giảm 188 ha so cùng kỳ. Tổng sản lượng đạt 484.864 tấn/350.000 tấn, tăng 24,5% so cùng kỳ, tăng 38,5% KH năm (*muối Diêm dân 187.576 tấn, muối Công nghiệp 297.288 tấn*), giá muối diêm dân từ 350 – 600 đồng/kg, công nghiệp từ 600 – 1000 đồng/kg.

5. Phát triển nông thôn và Chương trình xây dựng nông thôn mới.

a) Phát triển nông thôn:

¹¹ Bao gồm: Chương trình mục tiêu phát triển Lâm nghiệp bền vững 50.708 ha (*Giao mới 13.508 ha; giao chuyển tiếp 37.200 ha*); Quyết định 24/2012/QĐ-CP là 6.200 ha; DVMTR 9.079,28 ha.

¹² Trong đó đầu tư ban đầu: 1.143 con bò, 293 con dê, 62 con heo, 17 con cừu. Sinh sản: 297 con bò, 21 con dê. Chết, thất thoát: 62 con heo, 64 con bò, 123 con dê.

Chương trình bố trí dân cư: Đã phối hợp với UBND huyện Thuận Nam và UBND xã Cà Ná tổ chức tuyên truyền, vận động 12 hộ (08 hộ giai đoạn 2 và 04 hộ giai đoạn 3) nằm trong vùng dự án đến nhận tiền bồi thường để bàn giao mặt bằng cho các đơn vị thi công tiếp tục triển khai thực hiện các công trình trong năm 2020. Tuy nhiên, đến nay các hộ nêu trên vẫn không chịu nhận tiền bồi thường theo phương án đền bù của Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Thuận Nam. Hiện, Ủy ban nhân dân huyện Thuận Nam chỉ đạo, xử lý theo quy định pháp luật để sớm bàn giao mặt bằng để tổ chức triển khai thực hiện dự án theo đúng tiến độ và thời gian quy định. Ngoài ra, Ngành đã hoàn thiện hồ sơ nghiệm thu, bàn giao đưa vào sử dụng một số công trình đã hoàn thành cụ thể¹³.

Kinh tế hợp tác: Đã làm việc với các huyện Bắc Ái và Ninh Sơn về công tác chuẩn bị tổ chức các lớp tuyên truyền phổ biến Luật HTX theo kế hoạch năm 2020; Phối hợp với UBND các huyện hướng dẫn các HTX làm thủ tục hồ sơ tuyên dụng cán bộ trẻ về làm việc tại các HTX theo Kế hoạch số 1709/KH-UBND tỉnh, tính đến nay toàn tỉnh có 18 HTX được hỗ trợ mô hình cán bộ trẻ tốt nghiệp đại học, cao đẳng về làm việc tại các HTX; Phối hợp với Tổ chức Socodevi và Trường Cán bộ Quản lý Nông nghiệp và Phát triển nông thôn II về việc chiêu sinh học viên tham dự Chương trình tập huấn cho cán bộ trẻ làm việc trong hợp tác xã nông nghiệp năm 2020 tổ chức tại tỉnh Ninh Thuận.

b) Chương trình xây dựng nông thôn mới:

Tham mưu ban hành: Kế hoạch triển khai thực hiện, Kế hoạch Kiểm tra Chương trình nông thôn mới năm 2020¹⁴; Báo cáo tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 và đề xuất thực hiện Chương trình giai đoạn 2021-2025 theo yêu cầu của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Tài chính; Báo cáo kết quả thực hiện Đề án hỗ trợ thôn, bản, ấp thuộc các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển xây dựng nông thôn mới gắn với giảm nghèo bền vững giai đoạn 2018-2020 theo Quyết định số 1385/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; tham mưu đề xuất chuyển thời điểm công nhận xã Vĩnh Hải đạt chuẩn nông thôn mới sang năm 2020 theo đề xuất của địa phương.

Thẩm tra hồ sơ và tham mưu UBND tỉnh trình Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định huyện Ninh Phước đạt chuẩn nông thôn mới năm 2019; tổ chức rà soát, đề xuất nâng cao chất lượng nông thôn mới đối với các xã đã đạt chuẩn hiện ở mức độ thấp; phối hợp với huyện Ninh Phước và huyện Ninh Hải xây dựng thí điểm 02 thôn nông thôn mới kiểu mẫu (Ninh Quý 2, An Nhơn); phối hợp, đôn đốc các Sở ngành phụ trách tiêu chí hỗ trợ các địa

¹³ Hệ thống nước sinh hoạt (giai đoạn 2) và hệ thống điện sinh hoạt (giai đoạn 1); Thi công xây dựng 16 căn nhà tái định cư; Đề xuất UBND huyện Thuận Nam điều chỉnh quy hoạch cục bộ khu N10, N11 để có cơ sở trình UBND tỉnh điều chỉnh dự án và đã được UBND huyện Thuận Nam phê duyệt; Hoàn thành thủ tục quyết toán các gói thầu 36, 37, 38 và 39; Hoàn thành các thủ tục xin chủ trương UBND tỉnh điều chỉnh quy mô dự án và bổ sung hạng mục đường bê tông nhựa + vỉa hè các trục đường giao thông nội bộ khu dân cư, đến nay đã được Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận chủ trương; Phối hợp với đơn vị tư vấn triển khai bóc tách dự toán các hạng mục công trình đầu tư xây dựng trong năm 2020.

¹⁴ Các Kế hoạch: số 670/KH-UBND ngày 09/3/2020 về việc triển khai thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2020; số 1548/KH-UBND ngày 29/4/2020 kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2020.

phương; tổ chức kiểm tra tiến độ tại 03 xã (Quãng Sơn, Mỹ Sơn, Lợi Hải) theo Kế hoạch 1548/KH-UBND ngày 29/4/2020. Đồng thời, đang tổng hợp kết quả thực hiện các tiêu chí huyện NTM Ninh Hải từ các Sở ngành.

Nguồn vốn chương trình năm 2020 được Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ cho các ngành và địa phương cuối năm 2019. Trên cơ sở nguồn vốn của tỉnh phân bổ, cơ bản các địa phương đã phân bổ chi tiết cho các xã. Tuy nhiên, do ảnh hưởng dịch Covid-19 nên tiến độ triển khai thực hiện của các địa phương chậm so với cùng kỳ năm trước, chủ yếu mới ở giai đoạn chuẩn bị đầu tư.

c) Cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn.

Số hộ bắt nước trong 6 tháng đầu năm là 1.472 hộ, đạt 49,07% KH¹⁵, nâng tỷ lệ dân nông thôn sử dụng nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh lên 94,5%. Doanh thu tiền sử dụng nước 06 tháng ước đạt 28,08/50,034 tỷ đồng, đạt 56,12% KH năm, tăng 29% so cùng kỳ. Công tác cấp nước cho nhân dân vùng nông thôn được ổn định, chất lượng nước đảm bảo đạt yêu cầu.

6. Công tác quản lý chất lượng nông, lâm và thủy sản.

Tiếp nhận hồ sơ cấp giấy chứng nhận đúng thời hạn đủ điều kiện đảm bảo VSATTP lần đầu, cấp giấy xác nhận kiến thức ATTP, kiểm tra xếp loại cơ sở sản xuất kinh doanh nông lâm thủy sản đủ điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm¹⁶; Giám sát thông qua lấy mẫu để kiểm tra theo quy định¹⁷; Thường xuyên khảo sát, nắm tình hình hoạt động của các cơ sở sản xuất kinh doanh nông lâm và thủy sản.

7. Công tác thanh tra; tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; phòng chống tham nhũng.

Thực hiện 07 cuộc thanh tra chuyên ngành với 206 tổ chức, cá nhân (198 cá nhân, 08 tổ chức); kết quả có 21 tổ chức, cá nhân vi phạm (18 cá nhân, 03 tổ chức) và ban hành 21 quyết định xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 50.550.000 đồng. Thực hiện thanh tra doanh nghiệp năm 2019 (đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2094/QĐ-UBND ngày 05/12/2018) với 06 tổ chức, cá nhân; kết quả ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính 01 tổ chức với số tiền 12.000.000 đồng. Tổ chức 05 lớp tập huấn, tuyên truyền, giáo dục pháp luật về thanh tra trong lĩnh vực khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản, với 300 người tham gia. Triển khai thực hiện kế hoạch phòng chống tham nhũng 6 tháng đầu năm 2020, trong toàn ngành không có đơn vị, cá nhân để xảy ra tiêu cực, tham nhũng.

8. Xây dựng cơ bản.

Tiếp tục đẩy nhanh tiến thi công các dự án trọng điểm như Đập hạ lưu Sông Dinh, các công trình trọng điểm của tỉnh ... và các công trình sửa chữa nâng cấp các hệ thống thủy lợi theo kế hoạch giao (sửa chữa tuyến đê, kè Phú

¹⁵ Kế hoạch cả năm là 3.000 hộ.

¹⁶ Cấp 17 giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện VSATTP; cấp 41 giấy xác nhận kiến thức cho 33 cơ sở và 08 cá nhân; kiểm tra xếp loại 47 cơ sở (17 loại A, 30 loại B).

¹⁷ Triển khai lấy 11 mẫu (tôm thẻ, nước ương tôm thẻ giống), kết quả 10/11 mẫu đạt yêu cầu, 01/11 mẫu nước ương tôm giống phát hiện dư lượng Furazolidone. Thu 38 mẫu thực phẩm lâm thủy sản, kết quả có 03 mẫu chà phát hiện hàm lượng phụ gia thực phẩm natri benzoat.

Thọ và Đông Hải, kè Sơn Hải, khắc phục hư hỏng Kè chống sạt lở Hạ lưu Cầu Móng). Khánh thành và bàn giao cho nhà trường sử dụng Công trình Cộng đồng phòng chống thiên tai trường mẫu giáo Công Hải.

9. Công tác nghiên cứu, chuyển giao khoa học kỹ thuật, nhân rộng mô hình.

Thực hiện các chương trình, dự án, mô hình khuyến nông trung ương: Dự án "Ứng dụng tiến bộ khoa học và kỹ thuật trong chăn nuôi bò hướng thịt tại các xã khó khăn, dân tộc thiểu số tỉnh Ninh Thuận"¹⁸; Dự án xây dựng mô hình trồng và thâm canh cây ăn trái (bưởi da xanh, táo, măng cầu dai,...) theo hướng VietGap¹⁹; Mô hình trồng giống mía mới, áp dụng quy trình kỹ thuật thâm canh, liên kết với nhà máy tiêu thụ mía nguyên liệu với quy mô 15 ha; Mô hình cải tạo đàn bò sinh sản hướng thịt với quy mô 120 bò cái/30 hộ tại xã Quảng Sơn.

Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ đối với các sản phẩm đặc thù, có lợi thế của tỉnh: Triển khai mô hình Tưới tiết kiệm trên cây măng tây tại xã An Hải; Thực hiện san phẳng mặt ruộng bằng thiết bị laser (*đã thực hiện san phẳng 24,4 ha, tại xã Phước Chính với 15ha và xã Phước Hậu, Ninh Phước với 9,4 ha*); Xây dựng mô hình liên kết sản xuất với doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao; Nhân rộng diện tích tưới tiết kiệm nước (*Tính đến vụ Đông Xuân 2019 – 2020, diện tích tưới nước tiết kiệm là 1.523,15 ha/1.500 ha, vượt 1,54%KH*).

Trong 6 tháng đã tổ chức 42 lớp tập huấn kỹ thuật với 1.208 lượt người tham dự. Ngoài ra, tham gia viết tin, bài cho trang web của Sở Nông nghiệp và PTNT và Trung tâm Khuyến nông Quốc gia (*34 bản tin*).

10. Công tác tham mưu, quản lý nhà nước khác.

a) Công tác tham mưu:

Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh: Quyết định số 13/2020/QĐ-UBND ngày 5/5/2020 về ban hành quyết định cấp dự báo cháy rừng và bảng tra cấp dự báo cháy rừng trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận; Quyết định số 509/QĐ-UBND ngày 14/4/2020 phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí thực hiện Chương trình OCOP 2020; Quyết định số 711/QĐ-UBND ngày 18/5/2020 phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu một số gói thầu thuộc Chương trình OCOP năm 2020; Báo cáo số 147/BC-UBND ngày 28/5/2020 về báo cáo tổng kết Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 10/10/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (*tại công văn số 1233/SNNPTNT-KHCN ngày 06/5/2020*); Quyết định số 766/QĐ-UBND ngày 28/5/2020 phê duyệt dự toán kinh phí Dự án xây dựng bản đồ nông hóa thổ nhưỡng (*Tờ trình số 103/TTr-SNNPTNT ngày 20/5/2020*).

b) Quản lý khai thác các công trình thủy lợi, công trình cấp nước:

¹⁸ Gồm 3 mô hình: Mô hình nuôi bò thuần hướng thịt (Bò cái Brahman) tại xã Phước Thắng, Mỹ Sơn, An Hải (30 hộ), đến nay đã phối được 19 con bò cái chửa/30 con, đạt 63,33%; Mô hình nuôi bò lai hướng thịt (Bò cái lai Zebu), đến nay đã phối trực tiếp được 126 con bò cái có chửa/240 con, đạt 52,5%, thụ tinh nhân tạo được 224 con bò cái có chửa /260 con, đạt 86,15%; Trồng, chăm sóc, thu hoạch và chế biến cỏ làm thức ăn cho bò tại xã Phước Thắng, Mỹ Sơn, An Hải (30 hộ), đến nay có sinh trưởng tốt, đã chế biến thức ăn được 20,5 tấn/60 tấn, đạt 34,17%.

¹⁹ Năm 2020, thực hiện 04 mô hình sau: Mô hình trồng mới cây măng cầu theo hướng VietGap (11 ha tại các xã Phước Thái, Phước Vinh, Phước Chính); Mô hình thâm canh cây bưởi da xanh theo hướng VietGAP (7 ha tại xã Lâm Sơn và Phước Bình); Mô hình thâm canh cây táo theo hướng VietGAP (3 ha tại xã Phước Hậu); Mô hình thâm canh cây măng cầu theo hướng VietGAP (10 ha tại xã Nhị Hà và Phước Vinh).

Đầu tư mới, duy tu và thực hiện nạo vét, phát dọn kênh mương khơi thông dòng chảy đảm bảo nguồn nước phục vụ cho sản xuất, sinh hoạt của nhân dân; xây dựng kế hoạch và thực hiện điều tiết nước hợp lý cho sản xuất nông nghiệp vụ Hè Thu 2020; tuyên truyền cho nhân dân tự giác bảo vệ và sử dụng nước tiết kiệm. Tăng cường quản lý, tổ chức vận hành có hiệu quả các hệ thống cấp nước sinh hoạt nông thôn do ngành quản lý; thường xuyên kiểm tra chất lượng nguồn nước, đảm bảo đạt tiêu chuẩn theo quy định để cung cấp cho nhân dân sinh hoạt.

c) Công tác Quản lý đầu tư xây dựng:

Đã tiếp nhận và tổ chức thẩm định 81 hồ sơ đầu tư; thực hiện công tác quản lý công trình thông qua kiểm tra công tác nghiệm thu của chủ đầu tư gồm 20 hạng mục dự án, công trình theo quy định. Tổ chức thực hiện kiểm tra giám sát chất lượng công trình, thường xuyên đôn đốc tiến độ thi công các dự án ngành làm chủ đầu tư đảm bảo tiến độ, sớm đưa vào khai thác góp phần cho công tác chống hạn.

Tổng nguồn vốn được phân bổ từ đầu năm đến nay được 210.752 triệu đồng; đã giải ngân đến ngày 31/5/2020 là 46.635 triệu đồng, đạt tỷ lệ 21% KH, trong đó: riêng KH năm 2019 chuyển sang giải ngân 6.035/28.020 triệu đồng (đạt 22% KH). Dự kiến giải ngân đến cuối tháng 6/2020 là 68.120 triệu đồng (đạt tỷ lệ 32% KH), trong đó: riêng KH năm 2019 chuyển sang dự kiến giải ngân 10.433/28.020 triệu đồng (đạt 37% KH).

II. Đánh giá chung

1. Những kết quả đạt được:

Trong điều kiện thời tiết hạn hán thiếu nước ngay từ đầu vụ Đông Xuân 2019-2020 và dịch Covid -19 đã gây không ít khó khăn cho công tác điều hành sản xuất nông nghiệp. Song, nhờ chủ động cao trong công tác chỉ đạo điều hành, sự phối hợp chặt chẽ với các ngành, địa phương và sự chỉ đạo quyết liệt của Tỉnh ủy, HĐND và UBND tỉnh về phát triển sản xuất, xây dựng nông thôn, ứng phó hạn hán đã được triển khai ngay từ đầu năm, gắn với xây dựng kế hoạch điều tiết nước các công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh.

Toàn ngành đã xác định các nhiệm vụ trọng tâm, đột phá gắn với nhiệm vụ thường xuyên, xây dựng các chuyên đề trên các lĩnh vực, xác định nội dung đầu việc, giao trách nhiệm cụ thể đồng thời kiểm soát thời hạn để theo dõi chỉ đạo, kịp thời tháo gỡ; tổ chức kiểm tra, khảo sát, nắm bắt và có giải pháp, biện pháp; tổ chức sơ kết rút kinh nghiệm; tiếp tục thực hiện công tác cải cách hành chính, công tác giáo dục chính trị tư tưởng,... Chú trọng công tác phối hợp, công tác tuyên truyền, vận động; thực hiện tốt công tác tham mưu đề xuất, từ đó đạt một số kết quả như đã nêu.

Giá trị sản xuất ngành chăn nuôi tăng 8,7%, khai thác hải sản tăng 3,4%, nuôi thủy sản tăng 5,68% (đã phát triển mạnh nhiều đối tượng nuôi mới cá biển mú, bớp, bè; hào,.. thay thế cho tôm nuôi đang gặp khó khăn), sản xuất giống thủy sản tăng 8,4%. Tuy nhiên, do lĩnh vực trồng trọt giảm sâu đã kéo giá trị sản xuất toàn ngành đạt 98,1% so cùng kỳ 2019; cơ cấu giá trị sản xuất chuyển dịch

đúng hướng tăng thủy sản (chiếm 57,7%), giảm dần lĩnh vực nông lâm nghiệp (chiếm 41,66%).

Công tác chuyển đổi cơ cấu cây trồng vụ Đông - Xuân vượt 61,7% kế hoạch, vụ Hè - Thu đang tiếp tục tập trung chỉ đạo thực hiện theo kế hoạch đề ra; sản lượng thịt hơi gia súc, gia cầm và trứng các loại tăng so cùng kỳ, tổng đàn gia súc tăng 6,1%KH, các mô hình tiêu biểu có hiệu quả, tiếp tục được nhân rộng (*mãng tây; vỗ béo gia súc có sừng*), đặc biệt là mô hình liên kết chăn nuôi heo của các trang trại với CP và CJ đã tăng đáng kể về đàn và sản lượng thịt hơi. Công tác phòng chống cháy rừng, công tác bảo vệ rừng, tăng cường kiểm tra, tuần tra, truy quyết triển khai tốt nên đã hạn chế mức thấp nhất về cháy rừng, các vụ vi phạm được phát hiện và xử lý kịp thời; công tác lâm sinh gắn với các mô hình sinh kế bền vững được nhân rộng, người dân tham gia tích cực và được triển khai theo tiến độ đề ra. Công tác thông tin ngư trường và chỉ đạo khai thác hải sản luôn kịp thời và hiệu quả, mặc dù sản lượng khai thác trong 6 tháng chỉ tăng 2,0% so cùng kỳ nhưng nhờ tăng cơ cấu sản phẩm khai thác vùng khơi có giá trị cao nên giá trị sản xuất đã tăng 3,4%; sản xuất tôm giống ngày càng kiểm soát chặt chẽ và thương hiệu ngày càng được khẳng định nên nhu cầu thị trường ngày càng tăng; công tác thanh kiểm tra, phòng chống dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi, tuyên truyền vận động trên các lĩnh vực được tổ chức hết sức chủ động và thực hiện tốt, kết hợp tuyên truyền trên phương tiện truyền thanh địa phương và Phát thanh-Truyền hình của tỉnh.

Đồng thời, phối hợp với các ngành, địa phương tham mưu lồng ghép các nguồn vốn để phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập, xây dựng chương trình nông thôn mới; triển khai đồng bộ các giải pháp về thủy lợi, đảm bảo nguồn nước cho sinh hoạt của nhân dân, nước uống cho gia súc và sản xuất nông nghiệp, đặc biệt là công tác chống hạn; cụ thể hóa các chính sách liên quan đến xây dựng nông thôn mới phù hợp với tình hình địa phương, sự tham gia tích cực của cả hệ thống chính trị, trong đó chú trọng đầu tư hạ tầng, định hướng các nguồn vốn hỗ trợ phát triển sản xuất.

2. Những khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân:

- Giá trị sản xuất 6 tháng đầu năm 2020 của ngành trồng trọt giảm sâu do tác động của hạn hán phải dừng sản xuất 23.233,8 ha và thiệt hại 198,23 ha. Ngoài ra, một số địa phương chỉ đạo sản xuất chưa triệt để về khung lịch thời vụ, cơ cấu giống, còn gieo sạ lúa ngoài kế hoạch, dẫn đến khó khăn trong công tác điều tiết nước và công tác bảo vệ thực vật; Chưa thật sự quyết liệt triển khai Đề án chuyển đổi cây trồng tại các hồ có lượng nước ít, các trạm bơm bằng động lực; Việc xác định một số vùng chuyển đổi và cơ cấu cây trồng của một số địa phương chưa thật sự phù hợp, hiệu quả, bền vững; Việc nhân rộng các mô hình sản xuất có hiệu quả, mô hình sản xuất theo hướng an toàn vẫn còn khiêm tốn, công tác chỉ đạo sản xuất tuân thủ theo quy trình, hướng dẫn của ngành ở một số địa phương còn hạn chế.

- Trong lâm nghiệp: Do lập địa khắc nghiệt và nắng hạn kéo dài trong 5 tháng đầu năm cấp báo cháy lên đến cấp V, đã xảy ra cháy rừng ở 88 điểm (*được khống chế kịp thời, không gây thiệt hại đến cây rừng*) và hoạt động trồng,

phát triển rừng sản xuất gặp nhiều khó khăn; một số diện tích đất trồng rừng phòng hộ là nương rẫy đan xen của người dân trong rừng tự nhiên, do đó các đơn vị chủ rừng khó chủ động được khi đến thời vụ trồng rừng.

- Trong thủy sản: Tình hình nuôi tôm thương phẩm gặp nhiều khó khăn về thị trường do tác động của dịch Covid-19, giá bán tôm thương phẩm thấp nên người nuôi thu hẹp diện tích thả nuôi đến 12,7% so cùng kỳ; tổng sản lượng nuôi thủy sản giảm 9,9% so cùng kỳ.

Phần thứ hai

Nhiệm vụ trọng tâm và các giải pháp chỉ đạo, điều hành thực hiện 6 tháng cuối năm 2020

Ngành nông nghiệp làm tốt công tác dự báo, xây dựng phương án, biện pháp, giải pháp hiệu quả hơn; đồng thời, tập trung chỉ đạo sản xuất để tăng năng xuất sản lượng, phân đấu hoàn thành các chỉ tiêu được giao. Tập trung các nhiệm vụ chủ yếu như sau:

1. Công tác tuyên truyền:

Tiếp tục tập trung tuyên truyền: Luật và các văn bản dưới Luật về các lĩnh vực: Thủy lợi, Thủy sản, Trồng trọt, Thú y và Lâm nghiệp; Đề án cơ cấu lại ngành nông nghiệp thích ứng với biến đổi khí hậu; các chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn; Bảo vệ, phát triển rừng, chống phá rừng; Cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”....

2. Công tác tham mưu:

- Rà soát, đánh giá các chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn đã và đang triển khai thực hiện và đề xuất cho giai đoạn 2021-2025;

- Tham mưu Tỉnh ủy Nghị quyết về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong xây dựng nông thôn mới gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp thích ứng biến đổi khí hậu đến năm 2030.

- Tiếp tục tham mưu các quy định, các chính sách phát triển nông nghiệp sau khi có hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

3. Tập trung chỉ đạo phát triển nông, lâm và thủy sản theo Đề án Cơ cấu lại ngành nông nghiệp thích ứng với biến đổi khí hậu:

a) Triển khai các quy hoạch, kế hoạch, đề án, chính sách và theo dõi, đánh giá:

- Tiếp tục triển khai Kế hoạch “Mỗi xã một sản phẩm”, phân đấu có 3 – 5 sản phẩm đạt chuẩn theo chương trình phát triển kinh tế khu vực nông thôn theo hướng phát triển nội lực và gia tăng giá trị (OCOP) quốc gia.

- Tiếp tục triển khai Đề án đổi mới, phát triển các hình thức kinh tế hợp tác trong nông nghiệp; xây dựng HTX nông nghiệp điển hình kiểu mới.

b) Lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi:

- Xây dựng các liên kết sản xuất 32 cánh đồng lớn đạt quy mô 3.964 ha và tiếp tục kết nối, liên kết, hợp tác và hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư chuỗi giá trị nông sản.

- Theo dõi chặt chẽ tình hình biến đổi khí hậu, hạn hán để xây dựng kế hoạch điều tiết nguồn nước hợp lý, triển khai thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng, duy trì và xây dựng mới các liên kết cánh đồng lớn 2020 theo Kế hoạch.

- Tiếp tục hoàn thiện hồ sơ trình UBND tỉnh ban hành Đề án phát triển chăn nuôi; Nghị quyết quy định vùng cấm chăn nuôi và vùng chăn nuôi tập trung.

- Tiếp tục duy trì và phát triển đàn gia súc, gia cầm, nhất là chăn nuôi đàn gia súc gắn với phát triển đồng cỏ và phát triển cơ sở giết mổ tập trung; Tiếp tục duy trì 04 liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi (*đã xây dựng năm 2018*); Hỗ trợ kết nối cá nhân và doanh nghiệp ký hợp đồng tiêu thụ cho nông dân; tiếp tục đẩy mạnh phát triển chuỗi giá trị dê, cừu và tiếp tục lựa chọn một số chuỗi có giá trị kinh tế cao để phát triển.

c) Lĩnh vực thủy sản:

Tiếp tục thực hiện Chính sách phát triển thủy sản theo Nghị định số 67/2014/NĐ-CP, 17/2018/NĐ-CP gắn với Quyết định số 48/2010/QĐ-TTg, Chương trình mục tiêu phát triển kinh tế thủy sản bền vững giai đoạn 2018-2020 và Nghị quyết 07-NQ/TU của Tỉnh ủy về Phát triển kinh tế biển đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030; chỉ đạo triển khai có hiệu quả Chỉ thị số 45/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về khắc phục cảnh báo của Châu Âu; phát triển tôm giống hướng đến có chuỗi sản xuất bảo đảm an toàn dịch bệnh theo tiêu chuẩn của Tổ chức Thú y thế giới; tập trung ngăn chặn và xử lý nghiêm các hành vi sử dụng chất nổ, chất độc, xung điện và lưới vây rút mùng để khai thác thủy sản; phát triển các tổ đội khai thác xa bờ, các đội tàu dịch vụ, tập trung cho công tác dự báo và thông tin ngư trường khai thác thủy sản nhằm tăng cơ cấu sản phẩm khai thác vùng khơi có giá trị cao.

d) Lĩnh vực lâm nghiệp:

- Tập trung triển khai các giải pháp quản lý, bảo vệ, phát triển và sử dụng hiệu quả diện tích rừng hiện có và quỹ đất quy hoạch cho phát triển lâm nghiệp gắn với các Chương trình, dự án bảo vệ và phát triển rừng, phát triển sinh kế, thu nhập cho các hộ dân thông qua các mô hình nông lâm kết hợp (*chăn nuôi, trồng cây dược liệu,...*), tập trung trồng có hiệu quả các dự án có trồng rừng thay thế.

- Tăng cường công tác phòng chống phá rừng, phòng chống cháy rừng, vận chuyển lâm sản trái phép; quản lý nuôi chim yến bền vững.

- Triển khai thực hiện quy hoạch 03 loại rừng, phân đầu nâng cao độ che phủ rừng 49% gắn với nhân rộng các mô hình sinh kế bền vững phát triển kinh tế miền núi.

- Tham mưu chuyển đổi đất rừng theo Chỉ thị 13-CT/TW của Ban Bí thư và Luật Lâm nghiệp đối với các công trình, dự án trọng điểm trên địa bàn tỉnh, các công trình phát triển kinh tế - xã hội của Quốc gia và của Tỉnh theo quy định.

đ) Công tác thủy lợi, phòng và ứng phó với thiên tai:

Triển khai các nhiệm vụ theo Kế hoạch số 964/KH-UBND ngày 15/3/2019 về thi hành Luật thủy lợi; chuẩn bị các phương án phòng ứng phó hạn hán gắn với chuyển đổi cơ cấu cây trồng theo dự báo khí tượng, thủy văn phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương; Kế hoạch phòng chống hạn; Phối hợp chặt chẽ với các địa phương có tuyến đê đi qua để quản lý bảo vệ có hiệu quả; Triển khai dự án xây dựng Nhà vòm bảo vệ và bể bơi phòng chống đuối nước cho học sinh tại trường THPT Chuyên Lê Quý Đôn; Tiếp tục triển khai dự án chủ trương đầu tư 11 dự án cột thu lôi trên địa bàn tỉnh; Tiếp tục triển khai hoàn thành công trình Đập hạ lưu sông Dinh thành phố Phan Rang – Tháp Chàm đối với các hạng mục còn lại đảm bảo tiến độ dự án.

e) Công tác quản lý chất lượng sản phẩm nông lâm thủy sản:

Tập trung cho công tác tuyên truyền; tổ chức kiểm tra về điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm các cơ sở sản xuất nông lâm, thủy sản; hỗ trợ xây dựng mô hình áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo quy định đối với các cơ sở chế biến nông lâm thủy sản; đảm bảo nước sạch và VSMT nông thôn, nâng cao sức khỏe và chất lượng cuộc sống cho người dân.

4. Xây dựng nông thôn mới:

Phân công và chỉ đạo các đơn vị thuộc Sở lồng ghép các hoạt động của ngành hỗ trợ các xã điểm phát triển sản xuất, mô hình tổ chức, liên kết sản xuất để nâng cao thu nhập cho nông dân một cách bền vững; phấn đấu đạt bình quân 16,5 tiêu chí/xã, có thêm 03 xã (*xã Quảng Sơn, xã Mỹ Sơn, Ninh Sơn và xã Lợi Hải, Thuận Bắc*) và 01 huyện (*Ninh Hải*) đạt chuẩn nông thôn mới; Hoàn thành xây dựng thí điểm nông thôn mới kiểu mẫu ở 02 thôn Ninh Quý 2, xã Phước Sơn và thôn An Nhơn, xã Xuân Hải; Đẩy nhanh tiến độ thực hiện Đề án thí điểm xây dựng nông thôn mới trong quá trình đô thị hóa trên địa bàn huyện Ninh Hải.

5. Xây dựng bộ máy tinh gọn, kỷ cương, liêm chính, hành động, phục vụ; nâng cao năng lực, bồi dưỡng chính trị tư tưởng công chức, viên chức, người lao động; cải cách hành chính hiện đại, hiệu quả.

a) Tiếp tục triển khai chính sách tinh giản biên chế; rà soát kiện toàn chức năng nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức các cơ quan, đơn vị thuộc Sở đảm bảo tinh gọn, hoạt động hiệu quả; giảm đơn vị sự nghiệp công lập đảm bảo mục tiêu giảm 10% đơn vị sự nghiệp công lập đến năm 2020.

b) Tăng cường kiểm tra kỷ luật, kỷ cương hành chính trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; Nâng cao chất lượng xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, bảo đảm tính hợp pháp, đồng bộ thống nhất; Nâng cao trách nhiệm người đứng đầu, cán bộ, công chức trong thi hành nhiệm vụ, công vụ; Xử lý nghiêm và kịp thời cán bộ, công chức có hành vi vi phạm trong thực hiện nhiệm vụ, công vụ, những thiếu, gây khó khăn cho người dân và doanh nghiệp trong giải quyết thủ tục hành chính. Tiếp tục rà soát, điều chỉnh theo hướng ngày càng tinh gọn các bộ thủ tục hành chính đang triển khai tại các đơn vị thuộc Sở.

c) Tổ chức triển khai thực hiện cơ chế một cửa trong giải quyết thủ tục hành chính.

d) Tổ chức triển khai Bản mô tả công việc và khung năng lực của từng vị trí việc làm trong cơ quan đã được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt.

đ) Tiếp tục đổi mới phương thức làm việc, lề lối làm việc; ứng dụng công nghệ thông tin trong điều hành, xử lý công việc thông qua việc sử dụng phần mềm quản lý văn bản, hồ sơ công việc, hệ thống thư điện tử công vụ.

e) Tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị TW 4 (*Khóa XII*); Chỉ thị 05-CT/TW; Kế hoạch 84-KH/TU ngày 12/12/2017.

6. Công tác kiểm tra, giám sát

Thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra; công tác phòng chống tham nhũng và thực hành tiết kiệm; Tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 13/CT-UBND ngày 21/4/2017 của UBND tỉnh về tăng cường tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; Quản lý chặt chẽ chất lượng vật tư nông nghiệp: Thức ăn chăn nuôi (*thủy sản, gia súc, gia cầm*), thuốc thú y, phân bón và thuốc bảo vệ thực vật,... Siết chặt kỷ luật tài chính - ngân sách nhà nước: Tăng cường kiểm tra, giám sát việc chấp hành dự toán đúng quy định pháp luật; quản lý chặt chẽ việc sử dụng tài sản công.

Phần thứ ba

Các kiến nghị

Kiến nghị Ủy ban nhân dân tỉnh:

1. Thống nhất bố trí kinh phí mua Vắcxin phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn và thủy sản năm 2020 (*Kế hoạch số 1567/KH-UBND ngày 04/5/2020*) từ nguồn tăng thu ngân sách năm 2019 theo đề xuất Sở Tài chính tại văn bản số 1236/STC-QLNS ngày 29/4/2020.

2. Thống nhất chủ trương áp dụng hình thức chỉ định thầu đối với các gói thầu thuộc 04 công trình đấu nối đường ống cấp nước sinh hoạt phục vụ chống hạn năm 2020 trên địa bàn tỉnh theo Điểm a khoản 1 Điều 22 Luật Đấu thầu năm 2013 (đã được bố trí nguồn vốn thực hiện theo Quyết định số 551/QĐ-UBND ngày 21/4/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao dự toán chi NSNN năm 2020 cho các đơn vị, địa phương từ nguồn kết dư ngân sách tỉnh năm 2018) để kịp thời hoàn thành 04 công trình trên trong tháng 7 năm 2020 theo đúng ý kiến chỉ đạo của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh tại Thông báo số 11/TB-HĐND ngày 03/6/2020 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về kết quả phiên họp tháng 5/2020 Thường trực HĐND tỉnh khóa X; trong đó yêu cầu 04 công trình cấp nước sinh hoạt phục vụ công tác phòng, chống hạn hoàn thành đưa vào sử dụng trong tháng 07/2020.

3. Xem xét chỉ đạo các huyện Ninh Sơn và Bác Ái tập trung giải quyết các khó khăn, vướng mắc trong công tác giải phóng mặt bằng các tuyến kênh nhánh cấp I của tuyến kênh Tân Mỹ, để bàn giao mặt bằng cho đơn vị thi công triển khai hoàn thành các tuyến kênh cấp I (TM07, TM10, TM17, TM20), góp phần

giải quyết chống hạn trên địa bàn các xã thuộc huyện Bắc Ái, huyện Thuận Bắc và huyện Ninh Hải để phát huy hiệu quả dự án hệ thống thủy lợi Tân Mỹ.

4. Chỉ đạo Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Chủ đầu tư) khẩn trương triển khai thi công hoàn thành tuyến ống nhánh TM20 thuộc hệ thống kênh cấp I khu tưới Tân Mỹ dự án Hệ thống Thủy lợi Tân Mỹ, trong đó ưu tiên thi công tuyến đường ống, thiết bị van đóng mở trực tiếp cấp nước về dòng suối chính phía thượng lưu hồ Thành Sơn trong tháng 6 năm 2020 để phục vụ công tác cấp nước chống hạn cho vùng cuối kênh Bắc và trạm bơm Xóm Bằng thuộc xã Bắc Sơn huyện Thuận Bắc.

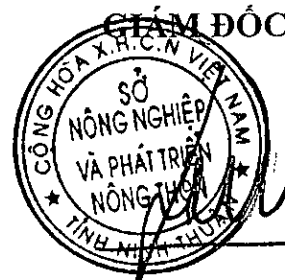
5. Chỉ đạo Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Chủ đầu tư) khẩn trương phối hợp với các đơn vị liên quan kiểm tra, đánh giá hiện trạng, xác định nguyên nhân hạn chế và sớm khắc phục các hư hỏng trong tháng 6 năm 2020 để phục vụ bơm cấp nước chống hạn cho người dân xã Nhơn Hải huyện Ninh Hải.

6. Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét, giao nhiệm vụ quản lý, khai thác Hệ thống thủy lợi Tân Mỹ cho địa phương quản lý là phù hợp với điều kiện thực tế, tạo điều kiện thuận lợi cho địa phương chủ động trong công tác chỉ đạo, điều hành điều tiết nguồn nước liên vùng và tiếp tục phát huy hiệu quả công trình, đáp ứng mục tiêu, nhiệm vụ của dự án đã đề ra theo nội dung đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Công văn số 1613/SNNPTNT-QLXDCT ngày 10/6/2020.

Trên đây là báo cáo về tình hình, kết quả thực hiện 6 tháng đầu năm 2020, nhiệm vụ trọng tâm và giải pháp thực hiện 6 tháng cuối năm 2020 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn./.

Nơi nhận:

- Bộ NN&PTNT;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Sở KHĐT, Cục Thống kê tỉnh;
- Giám đốc, các PGĐ Sở;
- Các phòng, đơn vị thuộc Sở;
- Lưu VP Sở: VT, KH. ĐTM.



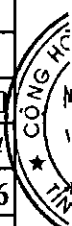
Đặng Kim Cương



TIỀN ĐỘ SẢN XUẤT NÔNG, LÂM, DIỆM NGHIỆP, THỦY SẢN 6 THÁNG NĂM 2020

(Kèm theo Báo cáo số 330 /BC-SNNPTNT ngày 12/6/2020 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

1	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện cùng kỳ năm 2019	Kế hoạch vụ hoặc năm 2020	Ước thực hiện 6 tháng năm 2020	% so sánh với	
						Năm 2019	Kế hoạch
						7=6/4	8=6/5
A.	Giá trị sản xuất (giá ss năm 2010)	Tỷ đồng	5.244,272	17.215,200	5.142,957	98,1	29,9
	- Nông nghiệp	Tỷ đồng	2.361,884	5.183,000	2.142,390	90,7	41,3
	+ Trồng trọt	Tỷ đồng	1.674,906	3.739,300	1.409,395	84,1	37,7
	+ Chăn nuôi	Tỷ đồng	600,308	1.268,700	652,550	108,7	51,4
	+ Dịch vụ	Tỷ đồng	86,670	175,000	80,445	92,8	46,0
	- Lâm nghiệp	Tỷ đồng	36,097	84,200	35,455	98,2	42,1
	- Thủy sản	Tỷ đồng	2.846,291	6.765,000	2.965,112	104,2	43,8
	+ Khai thác	Tỷ đồng	1.882,554	4.765,000	1.946,609	103,4	40,9
	+ Nuôi thủy sản	Tỷ đồng	323,649	859,900	324,676	100,3	37,8
	+ Giống thủy sản	Tỷ đồng	640,088	1.140,100	693,827	108,4	60,9
B.	TRỒNG TRỌT	Ha					
I.	Cây hàng năm						
1	Vụ Đông Xuân						
	Tổng DT thu hoạch Vụ ĐX	Ha	30.075,5	24.804,4	25.288,9	84,1	102,0
	<i>Tổng DT gieo trồng mới vụ ĐX</i>		<i>26.017,1</i>	<i>19.940,5</i>	<i>20.423,7</i>	<i>78,5</i>	<i>102,4</i>
1.1.	Cây lương thực có hạt	Ha	19.763,0	13.345,8	14.355,6	72,6	107,6
	Lúa Đông Xuân						
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	17.050,5	11.120,8	11.974,2	70,2	107,7
	+ Diện tích thu hoạch	Ha	17.050,5	11.120,8	11.974,2	70,2	107,7
	+ Năng suất	tạ/ha	65,2	65,0	66,7	102,3	102,6
	+ Sản lượng	Tấn	111.169,3	72.285,2	79.828,0	71,8	110,4
	Ngô Đông Xuân						
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	2.685,4	2.200,0	2.371,4	88,3	107,8
	+ Diện tích thu hoạch	Ha	2.685,4	2.200,0	2.371,4	88,3	107,8
	+ Năng suất	tạ/ha	58,7	54,9	61,6	104,9	112,2
	+ Sản lượng	Tấn	15.763,3	12.078,0	14.600,9	92,6	120,9
	Cây có hạt khác						
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	27,1	25,0	10,0	36,9	40,0
1.2.	Cây có củ		4.572,9	5.397,9	5.243,9	114,7	97,1
	Sắn						
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	4.478,4	5.193,9	5.193,9	116,0	100,0
	<i>Diện tích trồng mới trong</i>	Ha	<i>378,5</i>	<i>330,0</i>	<i>274,0</i>	<i>72,4</i>	<i>83,0</i>
	+ Diện tích thu hoạch		4.478,4	5.193,9	5.193,9	116,0	100,0
	+ Năng suất thu hoạch	Tạ/ha	207,4	210,0	194,7	93,9	92,7
	+ Sản lượng	Tấn	88.935,5	109.071,9	101.112,8	113,7	92,7
	Khoai lang						
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	93,6	204,0	49,5	52,9	24,3
	+ Diện tích thu hoạch	Ha	93,6	204,0	49,5	52,9	24,3



Chi tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện cùng kỳ năm 2019	Kế hoạch vụ hoặc năm 2020	Ước thực hiện 6 tháng năm 2020	% so sánh với	
					Năm 2019	Kế hoạch
+ Năng suất	tạ/ha	128,2	84,0	143,0	111,5	170,2
+ Sản lượng	Tấn	1.200,0	1.713,6	707,8	59,0	41,3
Khác						
+ Diện tích gieo trồng	Ha	0,9		0,5	55,6	
1.3. Cây thực phẩm	Ha	3.925,1	3.818,0	3.856,4	98,2	101,0
Rau các loại						
+ Diện tích gieo trồng	Ha	3.114,5	2.715,0	3.024,5	97,1	111,4
+ Diện tích thu hoạch	Ha	3.114,5	2.715,0	3.024,5	97,1	111,4
+ Năng suất	tạ/ha	200,4	160,0	179,3	89,5	112,1
+ Sản lượng	Tấn	62.414,6	43.440,0	54.229,3	86,9	124,8
Đậu các loại						
+ Diện tích gieo trồng	Ha	789,8	1.072,0	803,7	101,8	75,0
+ Diện tích thu hoạch	Ha	789,8	1.072,0	803,7	101,8	75,0
+ Năng suất	tạ/ha	11,1	6,0	8,5	76,6	141,7
+ Sản lượng	Tấn	876,7	643,2	680,9	77,7	105,9
Hoa, cây cảnh						
Diện tích gieo trồng	Ha	20,8	31,0	28,2	135,6	91,0
1.4. Cây công nghiệp hàng năm	Ha	336,1	579,0	317,4	94,4	54,8
Lạc vụ ĐX						
+ Diện tích gieo trồng	Ha	278,6	474,0	250,4	89,9	52,8
+ Diện tích thu hoạch	Ha	278,6	474,0	250,4	89,9	52,8
+ Năng suất	tạ/ha	16,9	10,7	12,2	72,2	114,0
+ Sản lượng	Tấn	470,8	507,2	305,1	64,8	60,2
Mía						
+ Diện tích trồng mới trong vụ	Ha	41,5		54,7	131,8	
+ Diện tích lưu gốc	Ha	3.551,5		2.336,9	65,8	
+ Diện tích thu hoạch	Ha	3.562,3		2.336,9	65,6	
+ Năng suất	Tạ/ha	524,6		511,5	97,5	
+ Sản lượng	Tấn	186.878,3		119.532,4	64,0	
Vùng						
+ Diện tích gieo trồng	Ha	12,5	105,0	15,0	120,0	14,3
+ Diện tích thu hoạch	Ha	12,5	105,0	15,0	120,0	14,3
+ Năng suất	tạ/ha	4,2	4,7	4,2	100,0	89,4
+ Sản lượng	Tấn	5,2	49,4	6,3	121,2	12,8
Thuốc lá, thuốc Lào						
+ Diện tích gieo trồng	Ha	45,0		52,0	115,6	
+ Diện tích thu hoạch	Ha	45,0		52,0	115,6	
+ Năng suất	tạ/ha	21,8		23,5	107,8	
+ Sản lượng	Tấn	98,1		122,2	124,6	
1.5. Cây gia vị, dược liệu						
Diện tích gieo trồng	Ha	330,7	321,0	268,2	81,1	83,6
1.6. Cây hàng năm khác						
Diện tích gieo trồng	Ha	1.147,7	1.342,7	1.247,4	108,7	92,9
2. Vụ Hè Thu		28.889,9	17.140,4	9.276,7	32,1	54,1

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện cùng kỳ năm 2019	Kế hoạch vụ hoặc năm 2020	Ước thực hiện 6 tháng năm 2020	% so sánh với	
					Năm 2019	Kế hoạch
2.1. Cây lương thực có hạt	Ha	18.679,0	4.844,2	4.434,0	23,7	91,5
Lúa Hè Thu						
+ Diện tích gieo cây	Ha	14.755,0	2.444,2	2.614,0	17,7	106,9
Ngô Hè Thu						
+ Diện tích gieo trồng	Ha	3.924,0	2.400,0	1.820,0	46,4	75,8
Cây có hạt khác						
+ Diện tích gieo trồng	Ha					
2.2. Cây có củ		70,0	4.470,0	556,0	794,3	12,4
Sắn						
+ Tổng diện tích hiện có	Ha					
+ Diện tích trồng mới	Ha	4.658,9	4.440,0	517,0	11,1	11,6
Khoai lang	Ha					
+ Tổng diện tích gieo trồng	Ha	64,5	30,0	39,0	60,5	130,0
Khác	Ha					
+ Tổng diện tích gieo trồng	Ha	5,5				
2.3. Cây thực phẩm	Ha	4.575,9	3.521,4	2.052,0	44,8	58,3
+ Diện tích gieo trồng rau các	Ha	2.815,8	2.571,4	1.622,0	57,6	63,1
+ Diện tích gieo trồng đậu các	Ha	1.727,1	935,0	430,0	24,9	46,0
+ Diện tích hoa cây cảnh	Ha	33,0	15,0		0,0	0,0
2.4. Cây công nghiệp hàng năm	Ha	4.080,4	3.180,0	1.044,0	25,6	63,1
Mía vụ Hè Thu						
+ Diện tích hiện có	Ha	3.562,0		902,0	25,3	63,1
+ Diện tích trồng mới	Ha	2.083,0	3.000,0	3.000,0	144,0	100,0
Lạc vụ Hè Thu						
+ Diện tích hiện có	Ha	290,5	130,0	135,0	46,5	103,8
Vừng						
+ Diện tích gieo trồng	Ha	227,9	50,0	7,0	3,1	14,0
2.5. Cây gia vị, dược liệu						
+ Diện tích gieo trồng	Ha	266,5	123,8	71,0	26,6	57,4
2.6. Cây hàng năm khác						
+ Diện tích gieo trồng	Ha	1.218,1	1.001,0	1.119,7	91,9	111,9
II. Cây lâu năm (diện tích hiện có)	Ha		2.450,0	12.212,1		498,5
Trong đó: Nho						
+ Diện tích hiện có	Ha	1.267,4	1.350,0	1.261,1	99,5	93,4
+ Diện tích cho sản phẩm	Ha	1.184,5	1.270,0	1.160,9	98,0	91,4
+ Năng suất	tạ/ha	136,1	309,9	138,0	101,4	44,5
+ Sản lượng thu hoạch	Tấn	16.120,0	39.360,5	16.019,8	99,4	40,7
Táo						
+ Diện tích hiện có	Ha	1.021,2	1.100,0	1.012,1	99,1	92,0
+ Diện tích cho sản phẩm	Ha	979,4	1.020,0	931,5	95,1	91,3
+ Năng suất	tạ/ha	180,4	379,6	192,5	106,7	50,7
+ Sản lượng thu hoạch	Tấn	17.664,0	38.715,0	17.927,3	101,5	46,3
Đào						
+ Diện tích hiện có	Ha			4.397,0		

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện cùng kỳ năm 2019	Kế hoạch vụ hoặc năm 2020	Ước thực hiện 6 tháng năm 2020	% so sánh với	
					Năm 2019	Kế hoạch
+ Diện tích cho sản phẩm	Ha			3.114,4		
+ Năng suất	tạ/ha			3,4		
+ Sản lượng thu hoạch	Tấn	1.068,5		1.058,9	99,1	
C. CHĂN NUÔI						
1. Đầu con						
Đàn gia súc		535.772,0	478.000,0	507.305,0	94,7	106,1
+ Số lượng trâu	con	3.885,0	4.000,0	3.931,0	101,2	98,3
+ Số lượng bò	con	120.455,0	100.000,0	120.798,0	100,3	120,8
+ Số lượng heo	con	113.708,0	90.000,0	103.160,0	90,7	114,6
+ Số lượng cừu	con	155.214,0	148.000,0	140.838,0	90,7	95,2
+ Số lượng dê	con	142.510,0	136.000,0	138.578,0	97,2	101,9
Đàn gia cầm	1.000 con	1.748,7	2.100,0	1.830,8	104,7	87,2
trong đó: - Gà	1.000 con	1.175,6		1.237,4	105,3	
- Thù cầm, khác	1.000 con	573,2		593,4	103,5	
2. Sản phẩm						
Tổng sản lượng thịt gia súc	tấn	12.592,1	26.400,0	13.118,4	104,2	49,7
+ Sản lượng thịt trâu hơi	tấn	75,0		77,0	102,7	
+ Sản lượng thịt bò hơi	tấn	2.846,0		2.947,9	103,6	
+ Sản lượng thịt lợn hơi	tấn	7.758,8		8.120,4	104,7	
+ Sản lượng thịt dê, cừu hơi	tấn	1.912,3		1.973,2	103,2	
Sản lượng thịt gia cầm	tấn	2.553,4	4.500,0	2.677,4	104,9	59,5
Trứng các loại	1.000 quả	33.584,8		34.401,4	102,4	
D. LÂM NGHIỆP						
1. Trồng mới rừng phòng hộ	Ha		505,0			
2. D.tích rừng trồng được chăm s	Ha		1.297,2			
3. Giao khoán BV Rừng	Ha		60.888,0	65.987,3		108,4
4. Khoanh nuôi tái sinh rừng	Ha		3.027,0	3.027,0		100,0
Đ. DIỆM NGHIỆP						
Sản lượng muối khai thác	Tấn	215.938,0	350.000,0	484.864,0	224,5	138,5
Chia ra: - Sản xuất công nghệ	"	110.203,0	200.000,0	297.288,0	269,8	148,6
- Diêm dân	"	105.735,0	150.000,0	187.576,0	177,4	125,1
E. THỦY SẢN						
Tổng diện tích nuôi	Ha	510,8	767,0	460,6	90,2	60,1
1. Nuôi nước ngọt	"	84,0	80,0	81,0	96,4	101,3
- Diện tích nuôi cá	"	84,0	80,0	81,0	96,4	101,3
2. Nuôi nước mặn, lợ	Ha	426,8	687,0	379,6	88,9	55,3
- Diện tích nuôi cá	"	9,0	15,0	13,0	144,4	86,7
- Diện tích nuôi tôm	"	333,0	530,0	290,8	87,3	54,9
+ DT nuôi tôm sú	"	14,0	20,0	21,0	150,0	105,0
+ DT nuôi tôm thẻ	"	319,0	510,0	269,8	84,6	52,9
- Diện tích nuôi khác	"	84,8	142,0	75,8	89,4	53,4
'+ Rong sụn, rong nho	"	24,0	42,0	16,0	66,7	38,1
'+ Ốc hương, Cua, ghẹ, hàu...	"	60,8	100,0	59,8	98,4	59,8

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện cùng kỳ năm 2019	Kế hoạch vụ hoặc năm 2020	Ước thực hiện 6 tháng năm 2020	% so sánh với	
					Năm 2019	Kế hoạch
Thê tích nuôi lông, bè	m ³	45.120,0	75.000,0	70.200,0	155,6	93,6
'+ Nuôi giáp xác	"	31.200,0	50.000,0	48.600,0	155,8	97,2
'+ Nuôi nhuyễn thể	"					
'+ Nuôi cá	"	13.920,0	25.000,0	21.600,0	155,2	86,4
3. Sản lượng con giống sản xuất	Triệu con	19.476,0	36.200,0	21.167,8	108,7	58,5
- Cá giống	"					
- Tôm giống	"	19.316,0	36.000,0	21.012,8	108,8	58,4
'+ Tôm sú	"	4.119,0	6.000,0	4.600,0	111,7	76,7
'+ Tôm thẻ chân trắng	"	15.197,0	30.000,0	16.412,8	108,0	54,7
- Khác	"	160,0	200,0	155,0	96,9	77,5
4. Tổng sản lượng nuôi	Tấn	4.565,2	9.415,0	4.113,7	90,1	43,7
- Nuôi nước ngọt	Tấn	206,1	250,0	203,8	98,9	81,5
'+ Sản lượng cá	"	206,1	250,0	203,8	98,9	81,5
- Nuôi nước mặn, lợ	Tấn	4.359,2	9.165,0	3.909,9	89,7	42,7
'+ Sản lượng cá nuôi	"	86,4	300,0	128,0	148,1	42,7
'+ Sản lượng tôm nuôi	"	2.300,0	5.865,0	2.250,0	97,8	38,4
<i>Sản lượng tôm sú</i>	"	0,0	70,0	0	0,0	0,0
<i>Sản lượng tôm thẻ</i>	"	2.300,0	5.795,0	2.250,0	97,8	38,8
'+ Tôm hùm	"	20,6	80,0	24,0	116,5	30,0
'+ Sản lượng thủy sản khác	"	1.952,2	2.920,0	1.507,9	77,2	51,6
5. Tổng sản lượng khai thác	Tấn	53.569,5	113.500,0	54.627,5	102,0	48,1
- Khai thác biển	Tấn	53.541,0	113.442,0	54.600,1	102,0	48,1
+ Sản lượng cá	Tấn	51.751,8	108.500,0	52.537,3	101,5	48,4
+ Sản lượng tôm	Tấn	280,4	500,0	327,6	116,8	65,5
+ Sản lượng mực	Tấn	1.183,6	3.000,0	1.267,0	107,0	42,2
+ Sản lượng hải sản khác	"	325,3	1.442,0	468,2	143,9	32,5
- Khai thác nội địa	Tấn	28,5	58,0	27,4	96,1	47,2

